

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DSST

Ngày: 13/01/ 2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trương Đức Lâm.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:* Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐST-DSTC ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần V (V);** Địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trịnh Thế A- Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V; Ông Nguyễn Văn C- Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 2456 ngày 28/3/2019) - Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P- Sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 127, đường Q, tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Xuân T- Sinh năm 1952; Địa chỉ: Số nhà 127, đường Q, tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2019 kèm theo giấy tờ, tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Trịnh Thế A) trình bày nh sau:*

Ngày 31/10/2016 bà Phạm Thị P có làm thủ tục đăng ký vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt là V)- Chi nhánh B; Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà V, phường D, quận C, thành phố H theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn đề ngày 31/10/2016 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số: LD1631301294). Ngân hàng tiến hành giải ngân vào ngày 08/11/2016, số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 32%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm trả theo niên kim đầu ngày 08 hàng tháng kể từ ngày 08/12/2016 số tiền thanh toán là: 5.078.698đồng. Đến ngày 09/11/2016 bà Nguyễn Thị P đến Chi nhánh B làm Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn đề ngày 09/11/2016 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số: LD1634000712); ngân hàng tiến hành giải ngân vào ngày 05/12/2016, số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 32%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm trả theo niên kim đầu ngày 05 hàng tháng kể từ ngày 05/01/2017 số tiền thanh toán là: 1.845.300đồng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, V đã giải ngân cho cá nhân bà Nguyễn Thị P đã nhận tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị P đã vi phạm vào điều 6 của Hợp đồng tín dụng. Nền căn cứ theo nội dung của hợp đồng tín dụng, các khoản vay của bà Nguyễn Thị P đã chuyển sang nợ quá hạn hợp đồng LD1631301294 ngày 08/11/2017 nợ lãi suất quá hạn sẽ bằng 150% lãi suất trong hạn và Hợp đồng số LD1634000712 nợ lãi suất quá hạn từ ngày 05/12/2017 khoản vay chuyển sang nợ quá hạn sẽ bằng 150% lãi suất trong hạn (theo điều khoản quy định trong hợp đồng).

Tạm tính đến ngày 08/11/2019, số tiền bà Nguyễn Thị P đã thanh toán gốc của hợp đồng LD1631301294 trả gốc: 12.907.761đ, lãi: 45.133.673đ; Hợp đồng số LD1634000712, trả gốc: 5.777.807đ, lãi: 15.232.368đ; tổng cộng bà P đã trả được: 79.051.609đ (Bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi một nghìn sáu trăm linh chín đồng).

Tạm tính đến ngày 08/11/2019, số tiền bà Nguyễn Thị P còn nợ số tiền quá hạn là: Hợp đồng LD1631301294 nợ gốc: 137.092.239đ, lãi: 134.774.142đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc: 41.222.193đ, lãi: 42.668.181đ; tổng cộng bà P còn nợ: 355.756.755đ (Ba trăm năm mươi năm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Đến ngày xét xử sơ thẩm 13/01/2020, bà Nguyễn Thị P còn nợ của Ngân hàng số tiền của Hợp đồng LD1631301294 số tiền nợ gốc là: 137.092.239đ, nợ lãi là: 147.079.884đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc là: 41.222.193đ, nợ lãi là 46.708.472đ. Tổng cả gốc và lãi của cả 02 hợp đồng là: 372.102.788đ (**Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng**).

V đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị P thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị P không thực hiện.

Vì vậy, V yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án các nội dung sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T phải liên đới thanh toán trả cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, cụ thể số tiền là 372.102.788đ (**Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng**) và toàn bộ lãi phát sinh tính đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

*Bà Nguyễn Thị P (bị đơn) trình bày:* Bà có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt là V)- Chi nhánh B 02 đợt, số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Sau khi vay bà đã trả cho Ngân hàng hơn 01 năm, mỗi tháng là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau đó bà không tiếp tục trả được nữa vì con bà bị bệnh máu trắng (ung thư máu), bà phải bán hết các tài sản, nhà và đất ở nên không có tiền để trả nữa. Nay Ngân hàng có đơn yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán trả tiền gốc và lãi là 170.000.000đ, bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng bà được trả dần từ 6 tháng đến 1 năm. Đề nghị Ngân hàng xem xét xóa toàn bộ tiền lãi cho vợ chồng bà vì vợ chồng bà đã bán hết toàn bộ tài sản, nhà và đất ở để chữa bệnh ung thư cho con, nay đang phải đi ở thuê.

*Ông Vũ Xuân T (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày:* Ông đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị P (vợ ông).

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; khoản 2 Điều 357; Điều 288; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V;

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ của của Hợp đồng LD1631301294 số tiền nợ gốc là: 137.092.239đ, nợ lãi là: 147.079.884đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc là: 41.222.193đ, nợ lãi là 46.708.472đ. Tổng cả gốc và lãi của cả 02 hợp đồng là: 372.102.788đ (**Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng**).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T do bà P và ông T là người cao tuổi. Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.900.000đ (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng) tại biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000010 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2019 của Ngân hàng V đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung tranh chấp:*

Xét việc Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T phải liên đới thanh toán trả tiền vay còn nợ của của Hợp đồng LD1631301294 số tiền nợ gốc là: 137.092.239đ, nợ lãi là: 147.079.884đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc là: 41.222.193đ, nợ lãi là 46.708.472đ. Tổng cả gốc và lãi của cả 02 hợp đồng là: 372.102.788đ (**Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng**) theo 02 hợp đồng mà hai bên đã ký kết nêu trên thấy rằng:

Tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định sau khi bà P và Ngân hàng thương mại cổ phần V thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1631301294 và Hợp đồng tín dụng số LD1634000712, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao tổng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho bà P vay, bà P đã nhận đủ số tiền này. Quá trình trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (13/01/2020), tổng số tiền P còn nợ của Ngân hàng cụ thể: Hợp đồng số LD1631301294 số tiền nợ gốc là: 137.092.239đ, nợ lãi là: 147.079.884đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc là: 41.222.193đ, nợ lãi là 46.708.472đ. Tổng cả gốc và lãi của cả 02 hợp đồng là: 372.102.788đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng). Phía bà P và ông T cũng xác định đã vay 200.000.000đ của Ngân hàng V làm 02 lần, đã thanh toán gốc và lãi được trong vòng hơn 1 năm mỗi tháng là 7 triệu đồng nhưng không đưa ra được căn cứ cụ thể, sau đó không thanh toán trả được tiền vay của Ngân hàng do phải chữa bệnh cho con nên đã bán hết tài sản của gia đình nay đang phải đi ở thuê và đề nghị Ngân hàng xóa toàn bộ số tiền lãi còn lại, số tiền gốc bà P và ông T đề nghị được trả trong thời hành từ 6 tháng đến 1 năm. Do đó có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay của Hợp đồng số LD1631301294 nợ gốc là: 137.092.239đ, nợ lãi là: 147.079.884đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc là: 41.222.193đ, nợ lãi là 46.708.472đ. Tổng cả gốc và lãi của cả 02 hợp đồng là: 372.102.788đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V là có căn cứ, cần buộc bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc và lãi còn nợ của Ngân hàng V theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

[3]. *Về án phí:* Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; khoản 2 Điều 357; Điều 288; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V;

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ của của Hợp đồng LD1631301294 số tiền nợ gốc là: 137.092.239đ, nợ lãi là: 147.079.884đ; Hợp đồng số LD1634000712 nợ gốc là: 41.222.193đ, nợ lãi là 46.708.472đ. Tổng cả gốc và lãi của cả 02 hợp đồng là: 372.102.788đ (**Ba trăm bảy mươi hai triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng**).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị P và ông Vũ Xuân T do bà P và ông T là người cao tuổi. Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.900.000đ (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000010 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án vẫn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất tong ứng do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

### Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

**T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - chủ tọa phiên toà***

**Nguyễn Xuân Toàn**

